

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, về việc: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Triệu Thị S](#), sinh ngày 29/6/1993;

Số CCCD: 019193000191.

Địa chỉ: [Xóm G, xã B, tỉnh Thái Nguyên](#).

• Bị đơn: Anh [Trần Văn S1](#), sinh ngày 28/10/1992

Số CCCD: 037200005601.

Địa chỉ: [Thôn P, xã N, tỉnh Ninh Bình](#).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị [Triệu Thị S](#) được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu [Trần Hà L](#), sinh ngày 07/01/2014, hiện cháu đang ở với anh [S1](#), cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh [Trần Văn S1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [S](#).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị [Triệu Thị S](#) nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị [S](#) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002609 ngày 10/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Ninh Bình. Trả lại cho chị [Triệu Thị S](#) 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND Khu vực 3- Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nho Quan
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đã ký

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH